TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 06/8/2024
V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải.**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thanh Vân;**

Bà **Trần Thị Kim Em.**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Chí Thành** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy**- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2024/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp "*Ly hôn*".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 134/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 341/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thúy A, sinh năm 1998 (có mặt);

Địa chỉ: Số A Ô, khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Phạm Trung S, sinh năm 1994 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Phạm Trung S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

* *Nguyên đơn chị Trần Thúy A trình bày:*

Chị và anh S sống chung năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Anh S không lo cho gia đình, không quan tâm vợ con. Chị nhiều lần cho anh S cơ hội để thay đổi nhưng anh S vẫn không thay đổi. Chị và anh S ly thân từ năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn và không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Sĩ Đ, sinh ngày 05/5/2020, Phạm Lam Q, sinh ngày 06/11/2021 hiện đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Không có.

** Bị đơn anh Phạm Trung S trình bày:*

Anh và chị A sống chung năm 2019, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung và gia đình vợ gây khó khăn cho anh. Nay chị A yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Sĩ Đ, sinh ngày 05/5/2020, Phạm Lam Q, sinh ngày 06/11/2021 hiện đang sống với chị A, nếu Tòa cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu chị A cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Không có.

*** Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số:** 134/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quối hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thúy A.

- Về tình cảm: Chị Trần Thúy A được ly hôn với anh Phạm Trung S.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Sĩ Đ, sinh ngày 05/5/2020 và Phạm Lam Q, sinh ngày 06/11/2021 cho chị Trần Thúy A tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Anh Phạm Trung S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, bị đơn Phạm Trung S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì anh không đồng ý ly hôn với chị A và không đồng ý giao hai cháu Đ và Q cho chị A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Phạm Trung S, Kiểm sát viên nhận định: Án sơ thẩm xử cho chị A ly hôn với anh S là có cơ sở vì anh S và chị A đã một lần xin ly hôn nhưng do chị A rút đơn nên Tòa đình chỉ. Thế nhưng từ đó cho đến nay tình trạng mâu thuẫn giữa anh, chị vẫn không thay đổi nên Tòa sơ thẩm cho chị A ly hôn anh S là phù hợp. Về con chung, hai cháu đang sinh sống với chị A ổn định nên giao cho chị A nuôi dưỡng là hợp lý. Anh S kháng cáo nhưng không có chứng cứ làm thay đổi việc nuôi con. Vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh S, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe các đương sự trình bày tranh luận và ý kiến của kiểm sát viên phân tích đề nghị đường lối xét xử phúc thẩm. Xét thấy:

[1] Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Anh Phạm Trung S thực hiện trong thời hạn luật định đúng theo Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thúy A khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Trung S và yêu cầu được nuôi con chung, không tranh chấp tài sản. Yêu cầu khởi kiện của chị A thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết theo quy định tại Điều 5, các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 17, 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

Nguyên đơn Chị Trần Thúy A trình bày: Chị và anh Phạm Trung S cưới nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên được cấp giấy kết hôn ngày 03/7/2019. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc và sinh được hai con chung tên Phạm Sĩ Đ, sinh ngày 05/5/2020 và Phạm Lam Q, sinh ngày 06/11/2021 nhưng đến cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và từ đó đến nay cuộc sống tự ai nấy lo không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì

vậy, chị A xin ly hôn anh S và xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng còn tài sản chung không có.

Về phía anh Phạm Trung S trình bày: Anh thống nhất với lời khai của chị A về thời gian kết hôn, về con chung và nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn nhưng anh S không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, con. Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Án sơ thẩm xử cho chị A được ly hôn anh S và giao hai con chung cho chị A nuôi dưỡng nhưng anh S không chấp nhận nên anh S kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của anh S nhận thấy: Anh S và chị A cưới nhau vào năm 2019, anh chị sống với nhau hạnh phúc và sinh được hai con chung nhưng đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị A trình bày do không hợp nhau về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Anh S không lo cho gia đình và vợ con nên từ đó vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tự ai nấy lo. Anh S cũng thừa nhận anh và chị A có mâu thuẫn vì gia đình vợ gây khó khăn. Thời gian qua anh, chị đã nhiều lần cự cãi, lúc nóng giận anh có đánh chị A.

Trước đây chị A làm đơn xin ly hôn được Tòa sơ thẩm thụ lý xét xử vào tháng 7/2023, cho chị A được ly hôn anh S, nhưng anh S kháng cáo. Tại phiên Tòa phúc thẩm ngày 01/8/2023 chị A rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được Tòa chấp nhận Hủy bản án sơ thẩm số 156/2023/HNGĐ-ST ngày 03/7/2023, đình chỉ giải quyết vụ án để anh chị đoàn tụ với nhau. Nhưng kể từ đó cho đến nay anh S không có thiện chí tìm cách an ủi hàn gắn với chị A. Ngược lại còn cãi vã và đánh chị A làm cho mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Hiện tại tình cảm vợ chồng chị A, anh S không còn tồn tại, đã thật sự đổ vỡ, khó có khả năng hàn gắn được nên Tòa sơ thẩm cho chị A được ly hôn với anh S là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị A và anh S có hai cháu Phạm Sĩ Đ, sinh ngày 05/5/2020 đến nay mới hơn 04 tuổi, còn cháu Phạm Lam Q, sinh ngày 06/11/2021 đến nay mới được 33 tháng tuổi. Xét thấy, cháu Đ và cháu Q từ nhỏ đến nay đều sống với chị A được chị A và cha mẹ chị A chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy bảo tốt. Chị A có công việc làm và thu nhập ổn định đủ điều kiện lo cho hai cháu. Còn hiện nay anh S đi làm thuê thu nhập không thường xuyên, điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu không đảm bảo.

Theo luật định khi cha mẹ ly hôn thì nghĩa vụ và quyền trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con của cha mẹ đều như nhau. Nhưng việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện của mỗi bên và vì lợi ích của các con không vì ý muốn của cha mẹ.

Mặt khác tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Xuất phát từ điều kiện thực tế của chị A và anh S như đã phân tích cũng như Điều luật quy định và

nguyện vọng chính đáng của chị A nên Tòa sơ thẩm xử giao hai cháu Đ, Q cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh S kháng cáo nhưng không cung cấp, bổ sung tài liệu chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của anh là hợp lý nên không được chấp nhận.

Các phần khác của án sơ thẩm xét xử có căn cứ, không có kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

[6] Về án phí: Anh S phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Xét ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Trung S. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 134/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 17, Điều 19, khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thúy A.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thúy A được ly hôn với anh Phạm Trung S.

- Về con chung của chị A và anh S: Giao hai cháu Phạm Sĩ Đ, sinh ngày 05/5/2020 và Phạm Lam Q, sinh ngày 06/11/2021 cho chị Trần Thúy A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Trung S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận chị Trần Thúy A chưa yêu cầu anh Phạm Trung S cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí:

- Chị Trần Thúy A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007222 ngày 21/02/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên được chuyển thành tiền án phí sơ thẩm.

- Anh Phạm Trung S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm. Anh S đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007575 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên được chuyển thành tiền án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**** Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Mai Hoàng Khải